TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53** /2019/HC-PT
Ngày: 07 - 5 - 2019
V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**
Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**
Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành An** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 126/2018/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 272/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **Cao Thị L**, sinh năm 1969

Địa chỉ: thành phố Q; có mặt.

- *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Q – Phó chủ tịch UBND thành phố Q là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền số 2871/QĐ-UBND ngày 05-6-2017); vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn T- Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Q; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Q: Ông Phạm Tấn H- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Q: Ông Trần Thanh H- Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (Văn bản ủy quyền số 4913QĐ-UBND ngày 16-8-2017); vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Q: Bà Mai Thị Cẩm H- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Đình R, sinh năm 1963; có mặt.

4. Chị Trần Thị Như T, sinh năm 1995; có mặt.

5. Trần Thị Tuyết T1, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: phường Q, thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Tuyết T1: Bà Cao Thị L, sinh năm 1969; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 11, phường Q, thành phố Q (Văn bản ủy quyền ngày 20-6-2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Hộ bà Cao Thị L được UBND thị xã Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03-6-2003 đối với thửa đất 1587, tờ bản đồ số 3, diện tích 289,95m2 tại tổ 11 phường Q thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 20-11-2012 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6777/QĐ-UBND thu hồi 143,6m2 để xây dựng dự án đường N (giai đoạn 2). Ngày 30-11-2012 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7240/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Cao Thị L tổng số tiền là 945.172.915 đồng. Ngày 04-3-2016 Ủy ban nhân dân thành phố Q ban hành Quyết định số 1891/QĐ-UBND thu hồi đất (bổ sung) 1,80m2 để xây dựng dự án đường N (giai đoạn 2) và Quyết định số 1890/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung đất cho hộ bà Cao Thị L số tiền là 10.018.800 đồng. Hộ bà Cao Thị L đã nhận số tiền 945.172.915 đồng, nhưng bà L và những thành viên trong gia đình không chấp hành tháo dỡ mặt bằng, bàn giao đất đã thu hồi cho Nhà nước thực hiện dự án.

Ngày 13-01-2016, UBND phường Q phối hợp với Ban Quản lý các dự

án đầu tư và xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố, các ban ngành, hội đoàn thể, tổ dân phố 11 của phường tổ chức vận động, thuyết phục bà Cao Thị L và chồng là ông Trần Đình R tháo dỡ, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công dự án đường N (giai đoạn 2). Tại buổi họp, bà L và ông R có ý kiến: Yêu cầu bổ sung 01 nhân khẩu; 02 hầm rút; 01 công tơ điện; xin mua 01 lô đất; bổ sung 1,0m đất dọc đường N, bồi thường đến vạch 7m. Qua kiểm tra, UBND thành phố thống nhất bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Cao Thị L 02 hầm rút, hỗ trợ ổn định đời sống 01 nhân khẩu cho ông Trần Cao T và bồi thường bổ sung về đất 1,8m2, nhưng bà Cao Thị L vẫn không chấp hành Quyết định thu hồi đất và không bàn giao phần diện tích đất đã thu hồi cho Nhà nước.

Ngày 18-01-2016, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L. Ngày 25-01-2016, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức đối thoại với bà Cao Thị L, vận động, thuyết phục bà chấp hành Quyết định thu hồi đất, nhưng bà L không chấp hành. Ngày 02-02-2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 14/KH-BTHCC tổ chức lực lượng cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L, theo Kế hoạch thì thời gian tổ chức cưỡng chế vào ngày 26-02-2016. Ngày 19-02-2016, UBND, UBMTTQVN phường Q, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh – Chi nhánh thành phố và các Hội đoàn thể của phường tổ chức vận động, thuyết phục bà Cao Thị L, ông Trần Đình R chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND thành phố, bàn giao mặt bằng và diện tích đất đã thu hồi cho Nhà nước, nhưng bà L và ông R không chấp hành. Ngày 22-02-2016, Ban thực hiện cưỡng chế có Thông báo số 17/TB-BTHCC thay đổi thời gian cưỡng chế hộ bà Cao Thị L theo Kế hoạch số 14/KH-BTHCC, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau.

Ngày 23-3-2016 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2095/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 18-01-2016 của Chủ tịch UBND thành phố từ diện tích 143,60m2 thành 145,4m2. Ngày 27-5-2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 50/KH-BTHCC tổ chức lực lượng cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L; theo kế hoạch, thời gian cưỡng chế là 02 ngày (ngày 06 và 07 tháng 6 năm 2016). Ngày 30-5-2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch số 50/KH-BTHCC ngày 27-5-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế.

Thực hiện Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 30-5-2016 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt Kế hoạch số 50/KH-BTHCC ngày 27-5-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế; ngày 06-6-2016, Trưởng ban thực hiện cưỡng chế chủ trì tổ chức lực lượng cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L; diễn biến quá trình cưỡng chế đã được ghi hình và lập biên bản vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06-6-2016 và ngày 07-6-2016.

Ngày 20-6-2016 bà Cao Thị L có đơn khiếu nại hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Ban cưỡng chế thu hồi đất của UBND thành phố Q; ngày 22-11-2016 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11236/QĐ-UBND

về việc giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại của bà Cao Thị L về hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Ban cưỡng chế thu hồi đất. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại trên, ngày 05-5-2017 bà Cao Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố Q trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà vào ngày 06-6-2016 là trái pháp luật.

Tuyên buộc Chủ tịch UBND thành phố Q bồi thường thiệt hại khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà bị xâm phạm do hành vi hành chính trái pháp luật gây ra, cụ thể như sau:

Thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: 609.459.000đ (Sáu trăm linh chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng);

Thiệt hại phát sinh do việc gia đình bà không sử dụng được nhà ở số 333 N từ ngày 06-6-2016 với giá thuê nhà hàng tháng là: 1.200.000đ/tháng (Một triệu hai trăm nghìn đồng trên một tháng) cho đến khi Tòa án tuyên buộc Chủ tịch UBND thành phố Q bồi thường cho gia đình bà;

Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút từ ngày 06-6-2016 theo mức thu nhập của người buôn bán nhỏ tại địa phương là: 12.000.000đ/tháng (Mười hai triệu đồng trên một tháng) cho đến khi Tòa án tuyên buộc Chủ tịch UBND thành phố Q bồi thường cho gia đình bà;

Thiệt hại về vật chất do bà bị tổn hại về sức khỏe: 11.371.742đ (Mười một triệu ba trăm bảy mốt nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng).

Thiệt hại do tổn thất về tinh thần của bà do sức khỏe bị xâm phạm : 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Chi phí thực tế của bà bỏ ra trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng 7.560.925đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm hai mươi lăm đồng).

Căn cứ bà Cao Thị L khởi kiện như sau:

UBND thành phố Q thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi một phần diện tích đất của gia đình bà là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà vì: Khi kiểm kê UBND thành phố Q không đưa hộ con trai bà là Trần Cao T vào để hưởng chính sách tái định cư vì hộ con trai bà đang cùng sử dụng chung một thửa đất nhưng đã tách hộ trước đó. Mặt khác quá trình thu hồi đất UBND thành phố Q không tuân theo ranh giới thực tế thửa đất, nên 05 lần đo đạc cho 05 lần kết quả khác nhau và không đúng với diện tích thực tế gia đình bà đã sử dụng. Do đó, bà đã nhiều lần khiếu nại lên chủ tịch UBND thành phố Q nhưng Chủ tịch UBND thành phố Q cố tình trì hoãn không giải quyết.

Ngày 18-01-2016, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành quyết định số 79/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà. Sau đó UBND thành phố vẫn cố tình không chịu ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cho gia

đình bà mà giải quyết khiếu nại bằng Công văn số 696/UBND ngày 16-3-2016. Mãi đến gần ngày cưỡng chế thì Chủ tịch UBND thành phố Q mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2968/QĐ-UBND, ngày 13-5-2016. Do không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu nên bà đã gửi đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2. Trong khi chờ chủ tịch UBND tỉnh thụ lý giải quyết thì đến ngày 06-6-2016 Chủ tịch UBND thành phố đã tổ chức lực lượng cưỡng chế đến nhà bà để cưỡng chế thu hồi đất. Tại thời điểm cưỡng chế tất cả các thành viên gia đình bà đều có mặt và yêu cầu được tự di chuyển tài sản ra khỏi khu vực cưỡng chế nhưng Ban thực hiện cưỡng chế không chấp nhận và tự ý gom hết tài sản trong nhà bà (gồm tài sản trong khu đất cưỡng chế và cả tài sản trong nhà bà ngoài vạch cưỡng chế) bỏ vào các bao tải (đối với hàng hóa trong tạp hóa và các tài sản kích thước nhỏ) và di chuyển bàn ghế gỗ, bàn thờ, ảnh thờ tổ tiên, ảnh Bác Hồ mà gia đình bà đang trưng thờ tại phòng khách ngoài vạch cưỡng chế) vứt bỏ ra khỏi khu đất cưỡng chế. Ban cưỡng chế còn lấy một số hàng hóa của gia đình bà như nước suối, bánh kẹo, thì phát cho người đi đường. Lúc đó gia đình bà xin nhận lại tài sản nhưng Ban cưỡng chế không đồng ý và nói "*mai mốt gia đình bà muốn nhận thì lên phường mà xin lại*".

Ngoài ra lực lượng cưỡng chế còn có hành vi xông vào đánh đập con gái bà tên Trần Thị Như T nhiều cái vào đầu, nên bà la khóc thì bị lực lượng cưỡng chế bắt bà và con gái bà kéo lê bỏ lên xe chuyên dụng để chở đi. Thấy hành động sai trái của lực lượng cưỡng chế thì bà con hô hoán lên thì lực lượng cưỡng chế đẩy con bà và bà rơi xuống xe làm bà bị chấn thương đầu nên bất tỉnh. Lực lượng cưỡng chế bỏ vào xe cứu thương đưa bà đến cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Quảng Ngãi rồi đưa bà vào Bệnh viện tâm thần Quảng Ngãi. Sau khi được gia đình đón về thì bà có biểu hiện nôn mửa, choáng váng nên gia đình phải đưa ra Đà Nẵng điều trị và đến nay vẫn còn các biểu hiện trên. Đối với con gái bà do bị đánh vào đầu và bị kéo lên nên dẫn đến bị di chứng tiền đình thường xuyên nhức đầu phải nghỉ học và trong lúc bị kéo lên xe đã làm rơi một giây chuyền vàng 18k trị giá 3 triệu đồng.

Trong quá trình thực hiện cưỡng chế Ban cưỡng chế không lập biên bản cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế thu giữ tài sản trong khu đất cưỡng chế và tài sản ngoài khu đất cưỡng chế nhưng không lập biên bản thu giữ tài sản. Sau khi cưỡng chế xong Ban cưỡng chế cũng không bàn giao hiện trạng nhà đất sau cưỡng chế cho gia đình.

Căn cứ vào các tình tiết khách quan của vụ việc đối chiếu với các quy định của pháp luật có liên quan thì hành vi cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố Q, Ban thực hiện cưỡng chế trong trường hợp này là trái pháp luật, vi phạm thủ tục cưỡng chế thu hồi đất được quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013, xâm phạm nghiêm trong đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Như T trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch UBND thành phố Q bồi

thường cho chị thiệt hại do bị tổn hại về sức khỏe và tổn thất về tinh thần tổng cộng là số tiền 30.976.724đ (Ba mươi triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng). Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác. Căn cứ chị T yêu cầu bồi thường: Trong quá trình thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, Ban cưỡng chế đã bắt giữ chị trái pháp luật, đánh chị nhiều cái vào đầu dẫn đến bị hội chứng tiền đình, thường xuyên có biểu hiện đau nhức đầu, tinh thần bị hoảng loạn, luôn bị ám ảnh, không thể tiếp tục theo học và phải nhập viện điều trị.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố Q không thống nhất toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L và đơn yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Như T bởi các căn cứ sau đây:

Dự án đường N (giai đoạn 2), thành phố Q (đoạn từ đường C đến đường H) được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 01-11-2010; do Sở Giao thông vận tải Quảng Ngãi làm Chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q là đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án.

Thửa đất của hộ bà Cao Thị L sử dụng có tổng diện tích đất là 291,1m2, phần diện tích đất thu hồi để thực hiện Dự án đường N (giai đoạn 2) là 145,4m2 và phần diện tích đất còn lại ngoài quy hoạch của dự án là 145,7m2, loại đất ở. Hộ bà Cao Thị L đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ với số tiền là 945.172.915 đồng, nhưng bà L và những thành viên trong gia đình không chấp hành tháo dỡ mặt bằng, bàn giao đất đã thu hồi cho Nhà nước thực hiện dự án; mặc dù UBND phường Q, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Q phối hợp với Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố, các ban ngành, hội đoàn thể, tổ dân phố 11 của phường đã nhiều lần tổ chức vận động, thuyết phục bà Cao Thị L và chồng là ông Trần Đình R tháo dỡ, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công dự án đường N (giai đoạn 2), nhưng gia đình bà L không chấp hành.

Ngày 18-01-2016, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L. Quyết định cưỡng chế đã giao cho gia đình bà L, nhưng gia đình bà L từ chối nhận nên được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Q và điểm sinh hoạt tổ 11, phường Q từ ngày 19-01-2016 đến ngày 04-02-2016.

Ngày 25-01-2016, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức đối thoại với bà Cao Thị L, vận động, thuyết phục bà chấp hành Quyết định thu hồi đất, nhưng bà L không chấp hành. Ngày 02-02-2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 14/KH-BTHCC tổ chức lực lượng cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L, theo Kế hoạch thì thời gian tổ chức cưỡng chế vào ngày 26-02-2016. Ngày 19-02-2016, UBND phường Q, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Q, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh – Chi nhánh thành phố và

các Hội đoàn thể của phường tổ chức vận động, thuyết phục bà Cao Thị L, ông Trần Đình R chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND thành phố, bàn giao mặt bằng và diện tích đất đã thu hồi cho Nhà nước, nhưng bà L và ông R không chấp hành. Từ ngày 19-02-2016 đến ngày 21-02-2016, Đài truyền thanh phường Q đã thực hiện công khai Kế hoạch số 14/KH-BTHCC của Ban thực hiện cưỡng chế và ngày 21-02-2016, UBND phường Q thực hiện công khai Kế hoạch số 14/KH-BTHCC trước cán bộ, nhân dân tổ 11, phường Q và hộ bà Cao Thị L theo đúng quy định. Ngày 22-02-2016, Ban thực hiện cưỡng chế có Thông báo số 17/TB-BTHCC thay đổi thời gian cưỡng chế hộ bà Cao Thị L theo Kế hoạch số 14/KH-BTHCC, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau.

Ngày 23-3-2016 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 2095/QĐ-UBND điều chỉnh diện tích đất thu hồi tại Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 18-01-2016 của Chủ tịch UBND thành phố từ diện tích 143,60m2 thành 145,4m2. Quyết định số 2095/QĐ-UBND đã được được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Q và điểm sinh hoạt tổ 11, phường Q từ ngày 24-3-2016 đến ngày 08-4-2016. Ngày 27-5-2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 50/KH-BTHCC tổ chức lực lượng cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L; theo kế hoạch, thời gian cưỡng chế là 02 ngày (ngày 06 và 07 tháng 6 năm 2016). Ngày 30-5-2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch số 50/KH-BTHCC ngày 27-5-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế. Kế hoạch số 50/KH-BTHCC đã được được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Q và điểm sinh hoạt tổ 11, phường Q từ ngày 30-5-2016 đến ngày 05-6-2016.

Thực hiện Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 30-5-2016 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt Kế hoạch số 50/KH-BTHCC ngày 27-5-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế; ngày 06-6-2016, Trưởng ban thực hiện cưỡng chế chủ trì tổ chức lực lượng cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L.

Khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Cao Thị L, Ban thực hiện cưỡng chế đã trực tiếp thông báo, vận động bà L và thành viên trong gia đình Bà phải ra khỏi khu đất cưỡng chế và tự chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế (bao gồm tài sản trong diện tích đất thu hồi và tài sản nằm trong phần ảnh hưởng đã bồi thường cho bà Cao Thị L) nhưng bà Cao Thị L và gia đình không chấp hành, không tự ý ra khỏi khu đất cưỡng chế nên Ban chỉ đạo cưỡng chế chỉ đạo lực lượng tham gia cưỡng chế có biện pháp buộc bà L và những người có liên quan ra khỏi khu đất phải cưỡng chế thu hồi là đúng quy định tại điểm c, Khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Việc bà L cho rằng tại thời điểm bắt đầu cưỡng chế vào lúc 08 giờ sáng, ngày 06-06-2016, tất cả thành viên trong gia đình bà đều có mặt đầy đủ tại địa điểm cưỡng chế, khi đó các thành viên trong gia đình bà đều di chuyển ra khỏi khu đất cưỡng chế và đứng ở vị trí cùng với vị trí Ban thực hiện cưỡng chế là không đúng sự thật.

Bà L cũng cho rằng lúc đó gia đình bà đã yêu cầu để gia đình tự chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế thu hồi, nhưng Ban thực hiện cưỡng chế không chấp nhận là không đúng sự thật, bởi vì: Khi tiến hành cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Cao Thị L, Ban thực hiện cưỡng chế đã vận động bà L và gia đình tự giác chấp hành di dời toàn bộ tài sản không thuộc diện cưỡng chế ra khỏi khu đất cưỡng chế, nhưng bà L và gia đình không thực hiện mà có thái độ la lối, cương quyết không bàn giao đất đã thu hồi nên Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành kiểm đếm tài sản không thuộc diện cưỡng chế của hộ gia đình bà Cao Thị L, tài sản là hàng tạp hóa và có kích thước nhỏ thì bỏ vào bao; bàn ghế gỗ, tủ thờ, bàn đá, ghế đá,… tất cả hàng hóa đều được kiểm đếm, lập biên bản bàn giao tài sản cho UBND phường Q niêm phong và di chuyển về trụ sở UBND phường bảo quản là thực hiện đúng quy định tại điểm c, Khoản 4; điểm b, d Khoản 5, Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Khoản 5 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Không có việc Ban thực hiện cưỡng chế lấy hàng tạp hóa của gia đình Bà (như nước ngọt đóng chai, bánh kẹo,…) phát cho người đi đường như bà L trình bày.

Khi Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện di chuyển tài sản ra khỏi khu đất cưỡng chế, ông Trần Đình R (chồng bà Cao Thị L) có đề nghị Ban thực hiện cưỡng chế cho ông nhận lại 01 bộ ghế sa-lon gỗ (gồm 01 ghế dài 03 người ngồi, 04 ghế một người ngồi) và 01 bàn gỗ chữ U (cỡ 90cm x 2,2m), 01 tủ thờ bằng gỗ cao khoảng 1,2m và 01 bàn chữ U khoảng 1m x 1,5m; Ban thực hiện cưỡng chế thống nhất cho ông R nhận lại và tự di dời các tài sản này đến nơi khác. Ngoài ra, ông Trần Đình R không yêu cầu nhận lại tài sản nào khác và có hành động đập bể 01 tủ kính (dùng để đựng chén, dĩa); vì vậy, không có việc gia đình bà yêu cầu nhận lại tài sản nhưng Ban thực hiện cưỡng chế không cho nhận, mà trả lời "không được nhận, tài sản này đem về UBND phường, mai mốt gia đình muốn nhận thì lên phường mà xin lại" như bà L trình bày là không đúng sự thật.

Khi Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L, diễn biến quá trình cưỡng chế trong 2 ngày 06-6-2016 và 07-6-2016 đã được ghi hình và được lập Biên bản có đầy đủ các thành phần tham dự (Ban thực hiện cưỡng chế, UBND phường Q, người chứng kiến) ký tên xác nhận và tài sản có trên khu đất cưỡng chế nhưng không thuộc diện cưỡng chế cũng được kiểm đếm, lập biên bản giao nhận tài sản theo đúng quy định tại điểm c, Khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai 2013. Việc Bà Cao Thị L cho rằng trong quá trình thực hiện cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế không lập Biên bản cưỡng chế, cũng không lập Biên bản thu giữ những tài sản trong khu đất cưỡng chế là không đúng. Còn tài sản ngoài khu đất cưỡng chế thì Ban thực hiện cưỡng chế không có trách nhiệm phải bảo quản tài sản nên không lập biên bản kiểm đếm, bàn giao tài sản cho UBND phường Q là đã thực hiện đúng quy định tại điểm b Khoản 5 Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Khi lực lượng cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ được giao thì bà Cao Thị L

và bà Trần Thị Như T (là con gái bà L) có thái độ la lối, có lời nói xúc phạm, quậy phá, vùng vẫy và chống đối người thi hành công vụ nên lực lượng cưỡng chế đã đưa bà L và bà Trâm lên xe thùng (phương tiện phục vụ cưỡng chế gần nhất) để ngăn giữ, không cho hai Bà vào phạm vi đất phải cưỡng chế thu hồi, tránh trường hợp cây cối đổ ngã, vật kiến trúc rơi rớt, gây tai nạn đối với bà L và bà Trâm trong quá trình thực hiện cưỡng chế; do vậy, không có việc lực lượng cưỡng chế đẩy bà L và bà Trâm rơi xuống xe, làm bà L chấn thương đầu, bà Trâm bị đánh đập nhiều cái vào đầu như bà Cao Thị L đã trình bày.

Ngày 10-6-2016, ngày 21-6-2016 và ngày 07-7-2016, Ban thực hiện cưỡng chế có thông báo cho hộ bà Cao Thị L đến UBND phường Q để nhận lại tài sản, các Thông báo này đã được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật là đảm bảo đúng quy định tại điểm c, Khoản 4 Điều 71 Luật Đất đai 2013, nhưng bà L không đến nhận.

Về nhà, đất của bà Cao Thị L còn lại sau cưỡng chế không thuộc tài sản nằm trên đất Nhà nước phải thu hồi (diện tích đất nằm ngoài quy hoạch của dự án là 145,7m2) nên Ban thực hiện cưỡng chế không có trách nhiệm phải bảo quản theo quy định tại điểm b, Khoản 5 Điều 71 Luật Đất đai 2013; do đó, Ban thực hiện cưỡng chế không thực hiện bàn giao theo yêu cầu của gia đình bà L mà bà L và gia đình tự quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì sau khi thực hiện cưỡng chế gia đình bà L không có mặt tại địa phương nên Ban thực hiện cưỡng chế đã chỉ đạo UBND phường Q bố trí lực lượng bảo vệ khu vực bên ngoài (từ ngày 07-7-2017 đến ngày 17-7-2017), tránh trường hợp trộm cắp, mất mát tài sản của gia đình Bà là việc làm phù hợp.

Hộ bà Cao Thị L và hộ ông Trần Cao T không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư hoặc phân phối đất tái định cư nên UBND thành phố không thực hiện phương án tái định cư trước khi thực hiện cưỡng chế là đúng quy định. Nội dung này đã được Chủ tịch UBND thành phố kết luận, giải quyết tại Quyết định số 2968/QD-UBND ngày 13-5-2016 và cũng đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết tại Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 10-10-2016.

Ngày 20-6-2016 bà Cao Thị L có đơn khiếu nại hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Ban cưỡng chế thu hồi đất của UBND thành phố Q; ngày 22-11-2016 Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11236/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại của bà Cao Thị L về hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Ban cưỡng chế thu hồi đất.

Chủ tịch UBND thành phố Q khẳng định việc Chủ tịch UBND thành phố tổ chức cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L và của chị Trần Thị Như T là không có căn cứ.

Tại bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình R trình bày:

Tôi thống nhất với quan điểm của người khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản trình bày ngày 24-8-2017 người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Q ông Trần Thanh Hùng trình bày có nội dung giống như nội dung trình bày của người bị kiện.

Tại Công văn số 148/CV-UBND ngày 16-10-2017 và tại biên bản làm việc ngày 04-11-2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường Q, thành phố Q trình bày:

Ủy ban nhân dân phường Q là thành viên của Ban cưỡng chế. Trong các ngày 06, 07 tháng 6 năm 2016 Ban cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L. Tuy nhiên hộ bà L không tự nguyện di chuyển tài sản trong khu vực cưỡng chế, nên Ban cưỡng chế đã tiến hành kiểm đếm và bàn giao số tài sản nêu trên cho Ủy ban nhân dân phường Q bảo quản. Quá trình giao nhận tài sản đã được Ủy ban nhân dân phường Q và Ban cưỡng chế lập biên bản giao nhận cụ thể. Sau khi giao nhận tài sản xong thì đại diện Ban cưỡng chế và Ủy ban nhân dân phường Q đã tiến hành lập biên bản niêm phong số tài sản của hộ bà L và chuyển về kho của Ủy ban nhân dân phường Q để bảo quản. Trong các ngày 10-6-2016, ngày 21-6-2016 và ngày 07-7-2016 Ban thực hiện cưỡng chế của Ủy ban nhân dân thành phố Q đã thông báo cho hộ bà L đến nhận lại tài sản. Các thông báo này đã được Ủy ban nhân dân phường Q niêm yết công khai tại điểm sinh hoạt tổ 11, phường Q và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của phường, nhưng hộ bà L không đến nhận số tài sản trên. Hiện nay số tài sản này vẫn được Ủy ban nhân dân phường Q bảo quản tại kho. Ngày 20-02-2017 Ủy ban nhân dân phường Q đã có Báo cáo số 08/BC-UBND về việc không nhận lại tài sản trong phạm vi cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà Cao Thị L để UBND thành phố Q biết và có hướng chỉ đạo. Ủy ban nhân dân phường Q khẳng định quá trình từ lúc giao nhận tài sản của hộ bà L đến nay thì Ủy ban nhân dân phường Q đã tuân thủ việc bảo quản tài sản theo đúng pháp luật.

Toàn bộ quá trình thực hiện cưỡng chế đối với hộ bà Cao Thị L thuộc Dự án đường N (giai đoạn 2) tại phường Q, đã được Ban cưỡng chế thành phố Q cung cấp đầy đủ các tài liệu cho Tòa án. Ủy ban nhân dân phường Q là đơn vị tham gia cùng Ban cưỡng chế của thành phố Q. Do vậy Ủy ban nhân dân phường Q không tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày: 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng ngãi đã tuyên:

Căn cứ vào Điều 7; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 24 Luật trách nhiệm bồi thường của

Nhà nước;

Căn cứ điểm d Điều 12, Điều 26, khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L về việc: Yêu cầu tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố Q trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà vào ngày 06-6-2016 là trái pháp luật;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L về việc: Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Q bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà số tiền: 854.619.925đ (Tám trăm năm mươi tư triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm hai mươi lăm đồng); và yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Q bồi thường thiệt hại cho bà do sức khỏe bị xâm phạm và tổn thất về tinh thần tổng cộng số tiền là: 41.371.742đ (Bốn mươi mốt triệu, ba trăm bảy mươi mốt ngàn, bảy trăm bốn mươi hai đồng)

Bác yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Như T về việc yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Q bồi thường thiệt hại cho chị do sức khỏe bị xâm phạm và tổn thất về tinh thần tổng cộng số tiền: 30.976.724đ (Ba mươi triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi bốn đồng).

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/12/2017, người khởi kiện bà Cao Thị L kháng cáo toàn bộ 02/2017/HC-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/12/2017, bà Cao Thị L (người khởi kiện) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng sau:

- Tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố Q trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà vào ngày 06/6/2016 là trái pháp luật;

- Buộc Chủ tịch UBND thành phố Q phải bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà bị xâm phạm do hành vi trái pháp luật gây ra bao gồm:

* Thiệt hại do tài sản bị xâm hại: 604.546.000 đồng;

* Thiệt hại do phải đi thuê nhà ở từ ngày 06/6/2016 mỗi tháng 1.200.000 đồng/tháng;

* Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút: 12.000.000 đồng/tháng;

* Thiệt hại vật chất do bị tổn hại về sức khỏe: 11.371.742 đồng;

* Thiệt hại do tổn thất về tinh thần: 30.000.000 đồng.

* Chi phí cho việc khiếu nại, tham gia tố tụng khác: 7.193.925 đồng.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của người khởi kiện (bà Cao Thị L) yêu cầu:

Tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố Q trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình Bà vào ngày 06/6/2016 là trái pháp luật thì thấy:

[1.1]. Dự án đường N (giai đoạn 2), thành phố Q (đoạn từ đường C đến đường H) được UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 01-11-2010; do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi làm Chủ đầu tư và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Q là đơn vị lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng. Để thực hiện dự án, ngày 20/11/2012, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 6777/QĐ-UBND thu hồi 143,6m^2 đất của hộ bà Cao Thị L (thửa đất của hộ bà Cao Thị L sử dụng có tổng diện tích đất là 291,1m^2, phần diện tích đất thu hồi để thực hiện Dự án đường N là 145,4m^2, phần diện tích đất còn lại ngoài quy hoạch của dự án là 145,7m^2, loại đất ở). Ngày 30-11-2012 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 7240/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Cao Thị L tổng số tiền là 945.172.915 đồng. Ngày 04-3-2016 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 1891/QĐ-UBND thu hồi đất (bổ sung) 1,80m^2 và Quyết định số 1890/QĐ-UBND về việc bồi thường bổ sung đất cho hộ bà Cao Thị L số tiền là 10.018.800 đồng. Hộ bà Cao Thị L đã nhận số tiền 945.172.915 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường và đã được: UBND phường Q; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Q phối hợp với Ban Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi; Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố và các ban ngành, hội đoàn thể, tổ dân phố 11 của phường đã nhiều lần tổ chức vận động, thuyết phục bà Cao Thị L và chồng là ông Trần Đình R tháo dỡ, bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công dự án, nhưng gia đình bà L không chấp hành nên theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 thì Chủ tịch UBND thành phố Q phải ban hành Quyết

định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

Ngày 18-01-2016, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 79/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L. Quyết định cưỡng chế đã giao cho gia đình bà L, nhưng gia đình bà L từ chối nhận nên được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Q và điểm sinh hoạt tổ 11, phường Q từ ngày 19-01-2016 đến ngày 04-02-2016. Vì vậy, việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đã đủ điều kiện được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[1.2]. Xét trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế của chủ tịch UBND thành phố Q thì thấy:

Ngày 25-01-2016, Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức đối thoại với bà Cao Thị L, vận động, thuyết phục bà chấp hành Quyết định thu hồi đất, nhưng bà L không chấp hành.

Ngày 02-02-2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 14/KH-BTHCC tổ chức lực lượng cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L, theo Kế hoạch thì thời gian tổ chức cưỡng chế vào ngày 26-02-2016. Ngày 19-02-2016, UBND phường Q, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Q, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh – Chi nhánh thành phố và các Hội đoàn thể của phường tổ chức vận động, thuyết phục bà Cao Thị L, ông Trần Đình R chấp hành quyết định thu hồi đất của UBND thành phố, bàn giao mặt bằng và diện tích đất đã thu hồi cho Nhà nước, nhưng bà L và ông R không chấp hành.

Ngày 22-02-2016, Ban thực hiện cưỡng chế có Thông báo số 17/TB-BTHCC thay đổi thời gian cưỡng chế hộ bà Cao Thị L theo Kế hoạch số 14/KH-BTHCC, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau.

Ngày 27-5-2016, Ban thực hiện cưỡng chế ban hành Kế hoạch số 50/KH-BTHCC tổ chức lực lượng cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L; theo kế hoạch, thời gian cưỡng chế là 02 ngày (ngày 06 và 07 tháng 6 năm 2016). Ngày 30-5-2016, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch số 50/KH-BTHCC ngày 27-5-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế. Kế hoạch số 50/KH-BTHCC đã được được niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Q và điểm sinh hoạt tổ 11, phường Q từ ngày 30-5-2016 đến ngày 05-6-2016.

Thực hiện Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 30-5-2016 của UBND thành phố Q về việc phê duyệt Kế hoạch số 50/KH-BTHCC ngày 27-5-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế; ngày 06-6-2016, Trưởng ban thực hiện cưỡng chế chủ trì tổ chức lực lượng cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất đối với hộ bà Cao Thị L.

Trước khi tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Cao Thị L, Ban thực hiện cưỡng chế đã trực tiếp thông báo, vận động bà L và thành viên trong gia đình Bà phải ra khỏi khu đất cưỡng chế và tự chuyển tài sản ra khỏi

khu đất cưỡng chế (bao gồm tài sản trong diện tích đất thu hồi và tài sản nằm trong phần ảnh hưởng đã bồi thường cho bà Cao Thị L). Như vậy có căn cứ khẳng định các trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế của chủ tịch UBND thành phố Q đã thực hiện theo đúng quy định tại điểm a, b và c khoản 4 Điều 71 Luật đất đai năm 2013. Kháng cáo của bà Cao Thị L yêu cầu tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố Q trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà vào ngày 06/6/2016 là trái pháp luật là không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện (bà Cao Thị L) yêu cầu: Buộc Chủ tịch UBND thành phố Q phải bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà bị xâm phạm do hành vi trái pháp luật gây ra bao gồm: Thiệt hại do tài sản bị xâm hại: 604.546.000 đồng; Thiệt hại do phải đi thuê nhà ở từ ngày 06/6/2016 mỗi tháng 1.200 000 đồng/tháng; Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút: 12.000.000 đồng/tháng; Thiệt hại vật chất do bị tổn hại về sức khỏe: 11.371.742 đồng; Thiệt hại do tổn thất về tinh thần: 30.000.000 đồng; Chi phí cho việc khiếu nại, tham gia tố tụng…: 7.193.925 đồng thì thấy:

[2.1]. Như đã nhận định ở trên (phần [1]) thì hành vi về các trình tự, thủ tục thực hiện cưỡng chế của chủ tịch UBND thành phố Q đã thực hiện theo đúng quy định tại điểm a, b và c khoản 4 Điều 71 Luật đất đai năm 2013 nên các yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của Chủ tịch UBND thành phố Q của bà Cao Thị L là không có căn cứ để chấp nhận.

Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận định: " *Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà Cao Thị L gồm bảng chứng minh sự chênh lệch, sai khác về tài sản thu giữ giữa thực tế với nội dung biên bản giao nhận tài sản ngày 06-6-2016 của Ban thực hiện cưỡng chế; các hợp đồng thuê nhà ở không có công chứng, chứng thực; các chứng từ chứng minh việc photo tài liệu và gửi tài liệu cho việc khiếu nại, khởi kiện; Các chứng từ hóa đơn điều trị và 01 USB quay cảnh cưỡng chế ngày 06-6-2016. Ngoài ra bà Cao Thị L không còn chứng cứ nào khác. Chứng cứ của chị Trần Thị Như Tâm yêu cầu bồi thường là chứng từ, đơn thuốc điều trị. Ngoài ra chị T không còn giao nộp chứng cứ nào khác. Hội đồng xét xử xét thấy: Như đã nhận định trên thì hành vi thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q vào ngày 06, 07-6-2016 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện việc cưỡng chế, lực lượng cưỡng chế không có hành vi đánh đập hoặc bắt giữ trái pháp luật bà Cao Thị L và chị Trần Thị Như T. Việc Ban thực hiện cưỡng chế tiến hành kiểm đếm tài sản không thuộc diện cưỡng chế của hộ gia đình bà Cao Thị L để di chuyển ra khỏi khu đất cưỡng chế và giao cho Ủy ban nhân dân phường Q bảo quản là đúng pháp luật. Sau khi cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế đã có nhiều thông báo cho hộ bà Cao Thị L đến UBND phường Q để nhận lại tài sản, nhưng gia đình bà L không đến nhận.*

Do đó yêu cầu về bồi thường thiệt hại về tài sản cũng như cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của bà Cao Thị L và chị Trần Thị Như T là không có căn

cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ". Nhận định được trích dẫn trên đây của Bản án hành chính sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của bà Cao Thị L yêu cầu: Buộc Chủ tịch UBND thành phố Q phải bồi thường thiệt hại, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà bị xâm phạm do hành vi trái pháp luật gây ra bao gồm: Thiệt hại do tài sản bị xâm hại: 604.546.000 đồng; Thiệt hại do phải đi thuê nhà ở từ ngày 06/6/2016 mỗi tháng 1.200.000 đồng/tháng; Thiệt hại do thu nhập thực tế bị mất, bị giảm sút: 12.000.000 đồng/tháng; Thiệt hại vật chất do bị tổn hại về sức khỏe: 11.371.742 đồng; Thiệt hại do tổn thất về tinh thần: 30.000.000 đồng; Chi phí cho việc khiếu nại, tham gia tố tụng…: 7.193.925 đồng cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện (bà Cao Thị L) kháng cáo yêu cầu được xem xét lại các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của bà Cao Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên bà Cao Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

[1]. Bác kháng cáo của bà Cao Thị L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013; các Điều 14,24 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước.

[2]. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L về việc:

[2.1.]Yêu cầu tuyên bố toàn bộ hành vi hành chính của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Q trong quá trình tổ chức lực lượng cưỡng chế và thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà vào ngày 06/6/2016 là trái pháp luật;

[2.2]. Yêu cầu Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Q bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà số tiền: 854.619.925 đồng (tám trăm năm tư triệu, sáu trăm mười chín ngàn, chín trăm hai lăm đồng); bồi thường thiệt hại do sức khỏe của Bà bị xâm phạm và tổn thất về tinh thần số tiền: 41.371.742 đồng (bốn mốt triệu, ba trăm bảy mốt ngàn, bảy trăm bốn hai đồng).

[3]. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

về án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Cao Thị L phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 02241 ngày 25/12/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[4]. Quyết định đối với chị Trần Thị Như T, Quyết định về án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA, Phòng HCTP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến